

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 347/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 8 - 2024

V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Yến Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Minh

Bà Lê Trường An

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 455/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 359/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Khóm G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau (Xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Bùi Hồng T1, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Khóm G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau (Xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Bùi Hồng T1 cưới nhau khoảng năm 2014, sống chung với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hiện vợ chồng đã sống ly thân khoảng 6 năm nay, nhận thấy đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà T1.

- Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Khánh B, sinh ngày 09/3/2015, hiện đang sống cùng với mẹ là bà T1. Khi ly hôn ông đồng ý tiếp tục giao con cho mẹ là bà T1 nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là Bùi Hồng T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Bà thống nhất với lời trình bày của ông T về thời điểm kết hôn, chung sống nhưng không có đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn thì bà và ông T phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân đã lâu, nhận thấy đời sống hôn nhân không

hạnh phúc. Nay bà đồng ý ly hôn, yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Khánh B, sinh ngày 09/3/2015, từ nhỏ tới nay con sống cùng với bà. Cháu cũng có nguyện vọng được sống với bà nếu cha mẹ ly hôn nên bà yêu cầu Toà án giải quyết được tiếp tục nuôi con là Phạm Khánh B, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Phạm Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Bùi Hồng T1 hiện đang cư trú tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn ông Phạm Văn T và bị đơn bà Bùi Hồng T1 chung sống như vợ chồng với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Có đơn xin xác nhận về việc không đăng ký kết hôn của ông Phạm Văn T được UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau xác nhận). Hiện cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, ông T và bà T1 chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của ông bà không được pháp luật thừa nhận, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng với nhau. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình thì không công nhận ông Phạm Văn T và bà Bùi Hồng T1 là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, ông T và bà T1 có với nhau 01 con chung là Phạm Khánh B, sinh ngày 09/3/2015. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Khánh B còn nhỏ, lại là nữ nên rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, từ nhỏ đến nay cháu sống cùng với mẹ, có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ nên tránh làm xáo trộn cuộc sống ảnh hưởng đến tâm lý của cháu, hơn nữa ông T và bà T1 thống nhất giao cháu B cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Khánh B, sinh ngày 09/3/2015 cho bà Bùi Hồng T1 tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Các bên thống nhất không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Văn T và bà Bùi Hồng T1 đều xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Trường hợp sau này nếu có phát sinh tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu về phần tài sản, nợ chung thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Nguyên đơn ông Phạm Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia

đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các điều 147, 228, 235, khoản 2 Điều 244 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9, các điều 14, 15, 53, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Phạm Văn T và bà Bùi Hồng T1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Khánh B, sinh ngày 09/3/2015 cho bà Bùi Hồng T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Ông Phạm Văn T không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà T1.

3. Về án phí: Ông Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đã qua ông T có dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005343 ngày 23/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thời
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Yến Phương